

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Môn thi	Điểm vnedu	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	Phạm ngọc minh anh	10A4	100019	Địa lí	4,8	4,8	
2	Lê Thị Ngọc Ánh	10A6	100030	Địa lí	6,9	6,9	
3	Đặng Thị Khánh Băng	10A2	100039	Địa lí	5	5	
4	Lê Mỹ Chi	10A5	100047	Địa lí	3,9	3,9	
5	Nguyễn Minh Chung	10A10	100049	Địa lí	4,9	4,9	
6	Trần Thị Huỳnh Diệp	10A5	100056	Địa lí	4,8	4,8	
7	Trần Đào Thanh Hiền	10A10	100104	Địa lí	2,7	2,7	Tô sai SBD trừ 50% điểm
8	Nguyễn Trần Nhật Huy	10A6	100132	Địa lí	4,8	4,8	
9	Đỗ Thị Thanh Huyền	10A4	100141	Địa lí	4,5	4,5	
10	Nguyễn Thị Phương Linh	10A2	100180	Địa lí	4,4	4,4	
11	Bùi Hoàng Long	10A4	100187	Địa lí	4,9	4,9	
12	Mai Hoàng Long	10A10	100189	Địa lí	4,4	4,4	
13	Phạm Minh Minh	10A10	100204	Địa lí	4,3	4,3	
14	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10A5	100266	Địa lí	1.6 điểm	1,6	
15	đình thị thanh tâm	10A9	100311	Địa lí	1.9	1,9	Tô sai SBD trừ 50% điểm
16	Nguyễn Thị Kim Thơ	10A4	100331	Địa lí	4,8	5,5	
17	Nguyễn Minh Thuận	10A2	100333	Địa lí	4	4	
18	Nguyễn Anh Thư	10A10	100343	Địa lí	4,8	4,8	
19	Nguyễn Huỳnh Phương Trang	10A3	100368	Địa lí	4,7	4,8	
20	Nguyễn Mai Trang	10A10	100370	Địa lí	7,3	7,3	
21	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	10A10	100437	Địa lí	3	3	
22	Trần Lương Phương Thùy Trang	10A8	100374	GD KT&PL	4,9		
23	Phạm ngọc minh anh	10A4	100019	Hóa học	8	8	
24	Trần Đức Anh	10A4	100021	Hóa học	8,3	8,3	
25	Đặng Thị Khánh Băng	10A2	100039	Hóa học	3,8	3,8	
26	Phùng Trần Ngọc Hân	10A4	100100	Hóa học	4,9	5,1	
27	Phan Gia Huy	10A5	100136	Hóa học	1,9	1,9	
28	Trịnh Anh Khoa	10A3	100161	Hóa học	0	???	
29	Nguyễn Thị Trúc Linh	10A4	100181	Hóa học	5,9	5,9	
30	Trần Thành Nhân	10A6	100245	Hóa học	3,9	3,9	Tô sai SBD trừ 50% điểm
31	Lê Ngọc Phương Như	10A2	100261	Hóa học	4,6	4,6	
32	Đặng minh nhựt	10A2	100269	Hóa học	8,8	8,8	

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Môn thi	Điểm vnedu	Điểm phức khảo	Ghi chú
33	Ngô Gia Phát	10A3	100273	Hóa học	9	9,5	
34	Nguyễn mạnh phát	10A1	100275	Hóa học	2,8	2,8	
35	Vũ Hoàng Anh Thư	10A4	100352	Hóa học	5.8	5,8	
36	Trần Vũ Hùng Tiến	10A2	100360	Hóa học	4.6	5,1	
37	Lê Thuỳ Trang	10A3	100367	Hóa học	7.3	7,3	
38	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	10A6	100372	Hóa học	2,6	2,6	Tô sai SBD trừ 50% điểm
39	Nguyễn Thị Minh Trúc	10A2	100387	Hóa học	7,3	7,3	
40	Nguyễn ngọc hoàng vy	10A3	100426	Hóa học	6.5	6,5	
41	Tran Duc Anh	10A4	100021	Lịch sử	5,8	5,8	
42	Trương Tuấn Anh	10A3	100027	Lịch sử	3.4	3,4	
43	nguyễn ngọc quỳnh chi	10A8	100048	Lịch sử	4,5	4,5	
44	Hồ Viết Duy	10A6	100062	Lịch sử	5.5	5,5	
45	Hoàng Thị Thúy Hằng	10A10	100096	Lịch sử	4,4	5,4	
46	Nguyễn Trần Nhật Huy	10A6	100132	Lịch sử	4,3	4,3	
47	Nguyễn Thị Khánh Linh	10A5	100179	Lịch sử	5.8	5,5	
48	Mai Hoàng Long	10A10	100189	Lịch sử	5	5	
49	Phạm Minh Minh	10A10	100204	Lịch sử	4.7	4,7	
50	Nguyễn Tấn Phát	10A3	100276	Lịch sử	3.7	3,7	
51	Nguyễn điển quang	10A2	100295	Lịch sử	4.8	4,8	
52	Đinh Thị Thanh Tâm	10A9	100311	Lịch sử	2.1	2,1	Tô sai SBD trừ 50% điểm
53	NGÔ NGỌC BĂNG TÂM	10A8	100312	Lịch sử	4.4	4,4	
54	Nguyễn Anh Thư	10A10	100343	Lịch sử	4,1	4,1	
55	Trần Lương Phương Thùy Trang	10A8	100374	Lịch sử	4.5	4,5	
56	Trương Ngọc Bảo Trâm	10A10	100379	Lịch sử	4,8	4,8	
57	Trần Lê Trọng	10A10	100385	Lịch sử	2.8	2,8	Tô sai SBD trừ 50% điểm
58	Trần Thị Khánh Vy	10A8	100435	Lịch sử	4.8	4,8	
59	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	10A10	100437	Lịch sử	4.5	4,5	
60	Nguyễn Hữu Đức Anh	10A9	100012	Sinh học	3.9	3,9	
61	Lê gia bảo	10A10	100033	Sinh học	2.8	2,8	
62	Nguyễn Mạnh Cường	10A10	100053	Sinh học	4,9	4,9	
63	Vũ hải đăng	10A3	100082	Sinh học	8	8,5	
64	Lê Mạnh Hiếu	10A8	100106	Sinh học	4.4	4,4	

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Môn thi	Điểm vnedu	Điểm phúc khảo	Ghi chú
65	Nguyễn Thị Phương Linh	10A2	100180	Sinh học	3,8	3,8	
66	Mai Hoàng Long	10A10	100189	Sinh học	2.8	2,8	
67	Đinh thị thanh tâm	10A9	100311	Sinh học	2.3	2,4	Tô sai SBD trừ 50% điểm
68	NGÔ NGỌC BĂNG TÂM	10A8	100312	Sinh học	3	3	
69	Trần Vũ Hùng Tiến	10A2	100360	Sinh học	4.5	4,8	
70	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	10A10	100437	Sinh học	4.9	4,9	
71	Huỳnh Gia Bảo	10A4	100032	Toán	3.8	3,8	
72	Nguyễn Đức Dương	10A7	100073	Toán	0	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
73	Vũ Tiến Đoàn	10A5	100083	Toán	4.9	4,9	
74	Đinh Nguyễn Long Hải	10A7	100090	Toán	0	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
75	Vũ Minh Hoàng	10A5	100117	Toán	0 điểm	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
76	Nguyễn Thị Thủy Hồng	10A5	100120	Toán	0	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
77	Trịnh Anh Khoa	10A3	100161	Toán	0	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
78	Lê Nguyễn Thuỳ Lâm	10A10	100167	Toán	0đ	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
79	Bùi Thị Ngọc Lệ	10A7	100171	Toán	0	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
80	Nguyễn Thị Khánh Linh	10A5	100179	Toán	2	2	Không tô SBD trừ 50% điểm
81	Nguyễn Thị Trúc Linh	10A4	100181	Toán	5.6	5,6	
82	Mai Hoàng Long	10A10	100189	Toán	2.8	2,8	
83	Trịnh Đình Mạnh	10A7	100200	Toán	0	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
84	Phạm Minh Minh	10A10	100204	Toán	3.5	3,5	
85	Nguyễn Thị Kim Ngân	10A2	100224	Toán	0	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
86	Phạm Thụy Bảo Ngân	10A6	100227	Toán	4,1	4,1	
87	Lê Huy Ngọc	10A3	100232	Toán	0	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
88	Lê Ngọc Phương Như	10A2	100261	Toán	4.1	4,1	
89	Lê Kiều oanh	10A6	100271	Toán	3,5	3,5	
90	Ngô Gia Phát	10A3	100273	Toán	7.3	7,3	
91	ngô văn phát	10A8	100274	Toán	3.3	3,3	
92	Đào Nguyễn Thiên phú	10A8	100286	Toán	0	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
93	Đinh thị thanh tâm	10A9	100311	Toán	1.2	1,2	Tô sai SBD trừ 50% điểm
94	Nguyễn Thị Kim Thơ	10A4	100331	Toán	0	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
95	Nguyễn Anh Thư	10A10	100343	Toán	4,3	4,3	
96	Võ Lê Anh Thư	10A10	100351	Toán	6.4	6,4	

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Môn thi	Điểm vnedu	Điểm phúc khảo	Ghi chú
97	Trần Vũ Hùng Tiến	10A2	100360	Toán	0	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
98	NGUYỄN PHAN BẢO TRÂM	10A7	100378	Toán	0 điểm	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
99	Nguyễn Thị Minh Trúc	10A2	100387	Toán	8,5	8,5	